TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN KHÁNH** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/ 2020/DS - ST
Ngày : 07 /7/ 2020.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN KHÁNH, TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**: Ông Vũ Nhật Trung**.**
- **Các Hội thẩm nhân dân**: Ông An Văn Đương và ông Đinh Quang Tuy.
- **Thư ký ghi biên bản phiên toà**: Ông Nguyễn Cao Cường - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Trong ngày 07 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2020/TLST- DS ngày 04 tháng 02 năm 2020 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXX-ST ngày 19 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Anh Vũ Ngọc H – Sinh năm 1979.
  Địa chỉ: Phố 7, thị trấn Yên N, huyên Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.
- **Bị đơn**: Anh Lê Văn H1 – Sinh năm 1964.
  Chị Phạm Thị H2 – Sinh năm 1971.
  Đều trú tại: Xóm 3A, xã Khánh N, huyên Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp của anh Lê Văn H: Chị Phạm Thị H2 – Sinh năm 1971 - Là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền lập ngày 04/5/2020).

Tại phiên tòa có mặt anh Vũ Ngọc H và chị Phạm Thị H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các văn bản khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn anh Vũ Ngọc H trình bày: Do quen biết nhau nên vào các năm 2014, 2015 và năm 2016 anh có cho vợ chồng ông H1, bà H2 vay tiền qua 08 lần tiền với tổng là 660.000.000 đồng, vay không có lãi và không hẹn ngày trả nợ, mỗi lần vay đều được thể hiện qua giấy vay tiền do ông Lê Văn H1 ký nhận khi vay. Sau đó ông H1, bà H2 đã trả cho anh được tổng số tiền là 229.000.000 đồng. Đến năm 2017 do anh có nhu cầu sử dụng đến tiền nên anh có hỏi ông H1, bà H2 để lấy lại số tiền còn nợ trên, nhưng ông H1, bà H2 vẫn không trả cho anh, do đó giữa anh và vợ chồng ông H1, bà H2 xảy ra mâu thuẫn nên vào ngày 17/6/ 2017 tại ban công an xã Khánh N giải quyết thì giữa anh và vợ chồng ông H1, bà H2 có làm văn

bản thỏa thuận về số tiền vay và còn nợ nói trên, khi đó ông H1, bà H2 có khất nợ anh trong thời gian 02 năm sẽ trả nợ hết số tiền trên cho anh nhưng sau ông H1, bà H2 chỉ trả anh số tiền 120.000.000 đồng và còn nợ lại anh số tiền 311.000.000 đồng. Từ đó đến nay ông H1, bà H2 vẫn không trả mặc dù anh có đòi nhiều lần. Nay anh chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H1, bà H2 phải có nghĩa vụ trả ngay một lần cho anh số tiền vay là 310.000.000 đồng làm tròn, còn số tiền còn lại 1.000.000 đồng anh H cho lại ông H1, bà H2 và anh không yêu cầu ông H1, bà H2 phải trả lãi đối với số tiền vay còn nợ mà anh đã cho ông H1, bà H2 vay. Ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

+ Bị đơn và là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là chị Phạm Thị H2 trình bày: Chị thừa nhận chồng chị là ông Lê Văn H1 từ năm 2016 trở về trước, do anh H có mối quan hệ bạn bè thân thiết nên anh H đã gửi anh H1 số tiền 450.000.000 đồng để anh H1 giúp anh H cho người khác vay, với lãi suất 6%/tháng nên giữa anh H1 và anh H đã kí giấy nhận tiền vay với nhau, sau đó anh H1 đã cho người khác vay số tiền này và mỗi tháng vợ chồng chị thu tiền lãi của người vay và trả cho anh H số tiền lãi hàng tháng là 28.000.000 đồng. Sau một thời gian sự cố phát sinh khi người vay số tiền này đã bỏ trốn, vợ chồng chị đã cố gắng hết sức nhưng không thể liên lạc và gặp họ để thu hồi vốn và giải quyết vấn đề tiền vay nên không thể thu hồi vốn và tiếp tục hàng tháng trả tiền lãi cho anh H được. Sau đó anh H đã gộp cả tiền gốc và tiền lãi rồi ép vợ chồng chị kí giấy xác nhận vay số tiền mới là 660.000.000 đồng nhưng vợ chồng chị không đồng ý, vì rủi ro làm ăn, anh chị chỉ đồng ý sẽ trả cho anh H số tiền gốc không bao gồm tiền lãi, tuy nhiên anh H không đồng ý, do vậy vào ngày 09/6/2017 anh H đã cho một số người đến nhà chị để gây áp lực và đe dọa đòi tiền, làm ảnh hưởng đến trật tự an ninh tại địa phương nên Công an xã Khánh N đã can thiệp và giải quyết vụ việc trên. Tính từ 2016 đến 2019 vợ chồng chị đã nỗ lực vay mượn bạn bè và đi làm đã gom góp thanh toán được cho anh H với tổng số tiền là 319.000.000 đồng (199.000.000 đồng + 120.000.000 đồng). Thực tế số tiền gốc vợ chồng chị nợ anh H chỉ có 450.000.000 đồng – 319.000.000 đồng = 131.000.000 đồng (một trăm ba mốt triệu đồng) và chị đề nghị Tòa án xét xét.

Tại phiên tòa kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý đến trước khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình tiến hành tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chấp hành chưa đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 471; 477 Bộ luật dân sự 2005; Điều 466, 469 và Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Vũ Ngọc H, buộc vợ chồng anh Lê Văn H1 và chị Phạm Thị H2 có trách nhiệm thanh toán cho anh Vũ Ngọc H số tiền nợ là 310.000.000

đồng. Anh H1, chị H2 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 15.500.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Anh Vũ Ngọc H có đơn yêu cầu Tòa huyện Yên Khánh giải quyết buộc vợ chồng anh Lê Văn H1 và chị Phạm Thị H2, có địa chỉ tại xã Khánh N, huyện Yên Khánh. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Yên Khánh, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung vụ án:** Trong quãng thời gian, từ tháng 6 / 2014 đến tháng 5/2016 anh H đã cho anh H1, chị H2 vay tổng số tiền là 660.000.000 đồng, thông qua 08 giấy nhận nợ do anh Lê Văn H1 ký nhận, cụ thể gồm: Tại giấy vay đề ngày 14/6/2014 vay số tiền 150.000.000 đồng, giấy vay ngày 14/5/2015 vay số tiền 50.000.000 đồng, tại giấy vay ngày 21/01/2016 vay số tiền 150.000.000 đồng, giấy vay ngày 28/01/2016 vay số tiền 100.000.000 đồng, giấy vay ngày 22/02/2016 vay số tiền 50.000.000 đồng, giấy vay ngày 20/3/2016 vay số tiền 40.000.000 đồng, giấy vay ngày 05/4/2016 vay số tiền 70.000.000 đồng, giấy vay ngày 14/5/2016 vay số tiền 50.000.000 đồng. Tại các giấy vay này không thể hiện thời gian trả nợ và khoản tiền lãi phải trả. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra thông báo yêu cầu chị H2 giao nộp tài liệu chứng cứ, để chứng minh về quan điểm của chị về số tiền vay cũng như việc anh chị trả số tiền lãi hàng tháng cho anh H, song tại biên bản làm việc chị xác định chữ ký của anh H1 trong 08 giấy vay tiền là đúng và chị không có tài liệu gì để chứng minh vì khi trả tiền cho anh H anh chị không ghi giấy tờ nên không có để chứng minh, nay chị vẫn thừa nhận số tiền còn nợ của anh H nêu là đúng. Tại biên bản hòa giải ngày 19/6/2020 cũng như tại phiên tòa chị nhận trách nhiệm trả số tiền vay còn nợ cho anh H là 310.000.000 đồng và chị xin được trả dần số tiền này, mỗi tháng chị trả số tiền 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, nhưng không được anh H chấp nhận. Ngoài các giấy vay nói trên ra thì tại văn bản thỏa thuận ngày 17/6/2017 do Công an xã Khánh N lập thì anh H1, chị H2 đã thừa nhận có vay số tiền 660.000.000 đồng và không phải trả lãi của anh H. Nay quan điểm của chị H2 cho rằng chỉ vay 450.000.000 đồng và sau ép ký lại cả gốc và lãi là không có căn cứ để xem xét vì số tiền vay qua 08 lần với thời gian vay khác nhau.

Như vậy theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì chứng cứ là 08 giấy vay tiền có giá trị pháp lý và bị đơn đã thừa nhận số tiền còn nợ, do vậy có đủ căn cứ khẳng định anh H1, chị H2 đã vay số tiền 660.000.000 đồng, vay không kỳ hạn và không có lãi, trong quá trình vay đã trả được số tiền 349.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 311.000.000 đồng, nay anh H chỉ yêu cầu trả số tiền 310.000.000 đồng, còn 1.000.000 đồng anh không yêu cầu trả và không tính lãi số tiền còn nợ nói trên. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Ngọc H, buộc anh Lê Văn H1 và chị Phạm Thị H2 có trách nhiệm thanh toán số tiền vay còn

nợ là 310.000.000 đồng, còn khoản tiền lãi H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Còn việc chị H2 xin được trả dần số tiền vay này nhưng không được anh H chấp nhận, do vậy căn cứ vào quy định của pháp luật cần buộc chị H2, anh H1 trả toàn bộ một lần số tiền trên là phù hợp.

Nhận thấy việc vay tiền phát sinh trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực thi hành, nhưng theo điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 thì giao dịch chưa thực hiện hoặc đang thực hiện mà có nội dung hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự 2015 thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự 2015. Do vậy Tòa án áp dụng Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thượng vụ Quốc hội: Về yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Ngọc H được chấp nhận nên buộc chị Phạm Thị H2 và anh Lê Văn H1 phải nộp án phí dân sự có giá ngạch về thực hiện nghĩa vụ tài sản là 15.500.000 đồng (310.000.000 đ x 5% = 15.500.000 đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 138, 357, 463, 466, 469, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 85, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Ngọc H.

- Buộc vợ chồng anh Lê Văn H1 và chị Phạm Thị H2 có trách nhiệm thanh toán cho anh Vũ Ngọc H số tiền vay còn nợ là 310.000.000 đồng (*ba trăm mười triệu đồng chẵn*).

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận, nhưng không vượt quá mức lãi xuất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc vợ chồng anh Lê Văn H1 và chị Phạm Thị H2 phải nộp 15.500.000 đồng (*mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung ngân sách Nhà nước.

- Về án phí anh Vũ Ngọc H không phải nộp được hoàn trả lại số tiền 7.750.000 đồng (*bẩy triệu bẩy trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí anh

đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2013/0002140 ngày 03/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm các bên đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07/7/2020).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án Dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Binh.
- VKSND huyện Yên Khánh.
- Chi cục THA DS huyện Yên Khánh .
- Các đương sư.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Nhật Trung